TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTMST
Ngày: 23/11/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chung

Ông Bùi Quang Luyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Châu – Thư ký TAND quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị T3 – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Công ty TNHH M ;** Trụ sở: Số nhà A, đường H, phường P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Nguyễn Phú T2 và Luật sư Nguyễn Thanh T3 – Công ty Luật TNHH V (theo Giấy ủy quyền số 555/GUQ-CT ngày 05/5/2016 của Công ty TNHH M và Giấy ủy quyền ngày 29/9/2017). Có mặt

***2. Bị đơn*: Công ty CP V ;** Trụ sở: Số nhà N, đường L, phường X, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu H – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2010, Công ty TNHH M (H1) và Công ty Cổ phần V (V) đã ký kết 05 Hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa với nhau cụ thể gồm: Hợp đồng số 151/ H1 -TVM ngày 20/09/2010; Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 11/11/2010; Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 12/12/2010; Hợp đồng số 154/H1 -TVM ngày 11/11/2010 và Hợp đồng số 155/H1 -TVM ngày 11/11/2010;

Theo đúng các hợp đồng, H1 đã bàn giao hàng hóa, xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho V . Đồng thời, V đã tạm ứng và thanh toán một phần cho H1 cho 05 hợp đồng trên rải rác và không cụ thể cho riêng từng hợp đồng, trong khoảng thời gian từ 16/9/2010 với tổng số tiền: 2.700.130.005đ (hai tỷ bảy trăm triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm linh lăm đồng).

Do vậy, tính đến ngày 29/12/2011, V còn nợ lại số tiền tổng cộng chưa thanh toán chung của 05 hợp đồng này là: 941.951.995 đồng (chín trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng), được thể hiện rõ trong sổ chi tiết của kế toán hạch toán công nợ.

Ngày 10/05/2016, tại buổi họp đối chiếu công nợ, H1 và V đã tiến hành đối chiếu và chốt số tiền nợ gốc mà V còn nợ H1 là: 941.951.995 đồng. Cũng theo Biên bản cuộc họp trên, V cam kết trong thời hạn 07 tháng kể từ ngày lập Biên bản, tức là muộn nhất vào ngày 31/12/2016, V sẽ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho H1 . H1 đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở đề nghị thanh toán nợ, tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, V vẫn chưa thanh toán khoản nợ đã chốt trên . Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện ra TAND quận Tây Hồ, đề nghị xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho NĐ số tiền nợ gốc theo 5 HĐ mua bán hàng hóa đã ký và số tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

+ Số tiền nợ gốc là: 941.951.995 đồng (Chín trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm chín mươi năm đồng);

+ Số lãi: Do trong các HĐ đã kí, các bên không thỏa thuận về việc tính lãi nên NĐ căn cứ vào Điều 476 BLDS 2005 và Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-

NHNN ngày 29/11/2010 để tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc bị đơn chậm thanh toán.

Theo đó, số tiền lãi bị đơn phải thanh toán tạm tính từ ngày 30/12/2011 (là ngày bị đơn chậm trả) đến 30/12/2017 được tính theo công thức sau: Lãi = gốc x lãi suất x lãi suất quá hạn x thời gian = 941.951.995 x 9% x 150% x 6 năm = 762.981.115 đồng (Bảy trăm sáu mươi hai triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn một trăm mười lăm đồng).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày ý kiến như sau:

Trước đây bà Nguyễn Thu H có tham gia điều hành và là người đại diện theo pháp luật của Công ty CP V . Tuy nhiên bà không còn tham gia vào việc điều hành và không là người đại diện theo pháp luật cho Công ty CP V từ lâu, thời điểm cụ thể bà không nhớ rõ. Do đó, bà không có quyền lợi, trách nhiệm gì với Công ty này và cũng không biết được các hoạt động kinh tế, kí kết hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty CP V với các đơn vị khác.

Bà H không nhận bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án và không tham gia bất cứ buổi làm việc nào của Tòa án. Đề nghị Tòa án không giao văn bản tố tụng cho bà và xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật: yêu cầu người kí và thực hiện các hợp đồng của Công ty CP V phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa, các bên trình bày ý kiến như sau:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại các buổi làm việc ở Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị thay đổi cách tính lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, cụ thể như sau:

1. Buộc bị đơn phải thanh toán cho NĐ số tiền nợ gốc theo 5 HĐ mua bán hàng hóa đã ký và số tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật, tổng số tiền là 1.619.385.555 đồng (một tỷ sáu trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng), bao gồm:

+ Số tiền nợ gốc là: 941.951.995 đồng (chín trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm chín mươi năm đồng);

+ Số lãi: Lãi suất tính từ ngày 30/12/2011 đến ngày mở phiên tòa xét xử 23/11/2018 là: 677.433.560 đồng (sáu trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng)

Số tiền lãi bị đơn phải thanh toán tạm tính từ ngày 30/12/2011 (là ngày bị đơn chậm trả) đến 23/11/2018 là ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm được tính theo công thức sau: Lãi = gốc x lãi suất x lãi suất quá hạn x thời gian

Mức lãi suất được áp dụng theo lãi suất trung bình quá hạn của 3 Ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (9,5%/năm), Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (11%/năm) và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (10,5%/năm). Như vậy, mức lãi suất dùng để tính lãi là 10,3%/ năm.

Thời gian được tính từ ngày 30/12/2011 đến ngày 23/11/2018 tương đương thời gian 6 năm 11 tháng 23 ngày

2. Buộc bị đơn phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Bị đơn vắng mặt nên không trình bày được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Các Hợp đồng mua bán hàng hóa gồm: Hợp đồng số 151/ H1 -TVM ngày 20/09/2010; Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 11/11/2010; Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 12/12/2010; Hợp đồng số 154/H1 -TVM ngày 11/11/2010 và Hợp đồng số 155/H1 -TVM ngày 11/11/2010 được kí giữa Công ty TNHH M và Công ty CP V là đúng quy định pháp luật về hình thức và nội dung hợp đồng. Công ty TNHH M đã giao hàng cho Công ty CP V theo nội dung các hợp đồng như nguyên đơn đã trình bày. Hai bên đều xác nhận việc kí kết và thực hiện các hợp đồng nêu trên được thể hiện tại Biên bản cuộc họp ngày 10/5/2016 và Công văn số 25/TCKT ngày 09/7/2016 của Công ty CP V . Đến nay, bị đơn chưa thanh toán đầy đủ nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho nguyên đơn. Như vậy, việc Công ty TNHH M khởi kiện Công ty CP V yêu cầuthực hiện nghĩa vụ các Hợp đồng mua bán hàng hóa đã kí là đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng: tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, niêm yết văn bản tố tụng, lấy lời khai của đương sự, xác minh vàthu thập các chứng cứ, tài liệu đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với Công ty CP V .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Công ty TNHH M có đơn khởi kiện Công ty CP V về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa đã kí. HĐXX xét thấy đây là Tranh chấp về kinh doanh thương mại, phát sinh trong hoạt động kinh doanh, giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, phù hợp với quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp mới nhất do Phòng đăng kí kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp, Công ty CP V có trụ sở tại: Số nhà N, đường L, phường X, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của Công ty TNHH M là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiếp tục mở phiên tòa xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Hội đồng xét xử thấy:

1. Về các Hợp đồng mua bán hàng hóa gồm: Hợp đồng số 151/ H1 -TVM ngày 20/09/2010; Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 11/11/2010; Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 12/12/2010; Hợp đồng số 154/H1 -TVM ngày 11/11/2010 và Hợp đồng số 155/H1 -TVM ngày 11/11/2010

Trong năm 2010, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhu cầu của các bên, Công ty TNHH M và Công ty CP V đã kí với nhau 05 Hợp

đồng mua bán hàng hóa. Các hợp đồng đều do đại diện hợp pháp của các bên kí kết, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị thi hành đối với các bên.

** Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc buộc Công ty CP V thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng số 151/H1 -TVM ngày 20/09/2010, thấy rằng:*

Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng, ngày 01/12/2010, Công ty TNHH M đã giao cho Công ty CP V đầy đủ số hàng hóa theo nội dung hợp đồng đã kí kết, cụ thể:

STT	Nội dung	SL	Đơn giá (VND)	Tổng (VND)
1.	Máy gây mê giúp thở SHIN-EI cùng phụ kiện Model SL-210	1 bộ	231.170.000	231.170.000
2.	Máy hút dịch 2 bình Shin-eicùng phụ kiện Model TAF-7000FD	5 bộ	49.176.000	245.880.000
3.	Máy hút dịch 1 bình Shin-eicùng phụ kiện Model TAF-5000FD	2 bộ	44.815.000	89.630.000
4.	Máy hút liên tục áp lực thấp SHIN-EI cùng phụ kiện Model Constant-1400	2 bộ	9.710.000	19.420.000
5.	Máy hút phẫu thuật xách tay có giá đỡ SHIN-EI cùng phụ kiện Model KS-700	5 bộ	12.766.000	63.830.000
6.	Máy sốc điện NIHON KOHDENcùng phụ kiện Model TEC-5531K	2 bộ	141.535.000	283.070.000
Tổng cộng				933.000.000

Theo Điều 3 của Hợp đồng về thanh toán "*Lần 1:Bên B thanh toán cho bên A 50.000.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) ngay sau khi ký hợp đồng; Lần 2: Phần còn lại khi giao hàng".* Như vậy, Công ty CP V có trách nhiệm thanh toán

toàn bộ khoản tiền hàng cho Công ty TNHH M ngay sau khi nguyên đơn hoàn tất việc giao hàng.

** Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc buộc Công ty CP V thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 11/11/2010, thấy rằng:*

Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng, ngày 06/12/2010, Công ty TNHH M đã giao cho Công ty CP V đầy đủ số hàng hóa theo nội dung hợp đồng đã kí kết, cụ thể:

STT	Nội dung	SL	Đơn giá (VND)	Tổng (VND)
1.	Máy đo thính lực kèm máy incùng phụ kiện Model AA222	1 bộ	151.660.000	151.660.000
Tổng cộng				151.660.000

Theo Điều 3 của Hợp đồng về thanh toán "*Lần 1: Bên B thanh toán cho bên A 13.000.000.000 đồng (mười ba triệu đồng); Lần 2: Số còn lại sẽ thanh toán trong hai tháng sau khi giao hàng".* Như vậy, Công ty CP V có trách nhiệm thanh toán

toàn bộ khoản tiền hàng cho Công ty TNHH M trong thời hạn 02 (hai) tháng sau khi nguyên đơn hoàn tất việc giao hàng.

** Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc buộc Công ty CP V thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 12/12/2010, thấy rằng:*

Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng, ngày 06/01/2011, Công ty TNHH M đã giao cho Công ty CP V đầy đủ số hàng hóa theo nội dung hợp đồng đã kí kết, cụ thể:

STT	Nội dung	SL	Đơn giá (VND)	Tổng (VND)
1.	Hệ thống siêu âm màu Doppler 4D cùng phụ kiện Model NEMIO XG (SSA-580A)	02	973.975.000	1.947.950.000
Tổng cộng				1.947.950.000

Theo Điều 3 của Hợp đồng về thanh toán "*Bên B thanh toán trước cho bên A số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); Phần còn lại thanh toán sau khi giao hàng hai tháng"*. Như vậy, Công ty CP V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản tiền hàng cho Công ty TNHH M trong thời hạn 02 (hai) tháng sau khi nguyên đơn hoàn tất việc giao hàng.

** Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc buộc Công ty CP V thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng số 154/H1 -TVM ngày 11/11/2010, thấy rằng:*

Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng, ngày 31/5/2011, Công ty TNHH M đã giao cho Công ty CP V đầy đủ số hàng hóa theo nội dung hợp đồng đã kí kết, cụ thể:

STT	Nội dung	SL	Đơn giá (VND)	Tổng (VND)
1.	Máy sốc tim cùng phụ kiện Model FC-1760	01	304.899.000	304.899.000
2.	Máy rửa phim tự động cùng phụ kiện Model XP1200	01	128.343.000	128.343.000
Tổng cộng				433.242.000

Theo Điều 3 của Hợp đồng về thanh toán "*Lần 1: Bên B thanh toán cho bên A 41.000.000đ (bốn mươi mốt triệu đồng); Lần 2: Số còn lại 392.242.000đ (ba trăm chín mươi hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng) thanh toán trong hai tháng sau giao hàng"*. Như vậy, Công ty CP V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản tiền hàng cho Công ty TNHH M trong thời hạn 02 (hai) tháng sau khi nguyên đơn hoàn tất việc giao hàng.

** Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc buộc Công ty CP V thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng số 155/H1 -TVM ngày 11/11/2010, thấy rằng:*

Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng, ngày 31/5/2011, Công ty TNHH M đã giao cho Công ty CP V đầy đủ số hàng hóa theo nội dung hợp đồng đã kí kết, cụ thể:

STT	Nội dung	SL	Đơn giá (VND)	Tổng (VND)

1.	Kính hiển vi quang học OLYMPUS Model CX21	02 cái	24.014.000	48.028.000
2.	Đầu in nhiệt hệ thống siêu âm đen trắng SONY Model UP897MD	02 cái	23.913.000	47.826.000
3.	Đầu in nhiệt hệ thống siêu âm đen trắng SONY Model UP25MD	02 cái	40.188.000	80.376.000
Tổng cộng				176.230.000

Theo Điều 3 của Hợp đồng về thanh toán "*Lần 1: Bên B thanh toán cho bên A 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); Lần 2: Số còn lại 161.230.000đ (một trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) sẽ thanh toán sau khi giao hàng và có hóa đơn chứng từ đầy đủ".* Như vậy, Công ty CP V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản tiền hàng cho Công ty TNHH M ngay sau khi nguyên đơn hoàn tất việc giao hàng.

Về tiền nợ gốc: Đến nay, Công ty CP V đã thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 2.700.130.005đ (hai tỷ bảy trăm triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm linh năm đồng). Hai bên chỉ thỏa thuận số tiền trên được thanh toán cho 05 hợp đồng mua bán nói trên, nhưng không thanh toán cụ thể cho hợp đồng nào. Do vậy, toàn bộ số tiền Công ty CP V đã thanh toán đều được hạch toán vào tổng số tiền nợ gốc đối với 05 Hợp đồng mua bán hàng hóa đã kí (thể hiện tại Biên bản cuộc họp ngày 10/5/2016). Như vậy, Công ty CP V còn nợ Công ty TNHH M số tiền nợ gốc là 941.951.995 đồng (chín trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm chín mươi nhăm đồng).

Về thời điểm phát sinh tiền lãi: Do trong các HĐ đã kí, các bên không thỏa thuận về việc tính lãi phát sinh nên căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại 2005, Công ty TNHH M được quyền tính lãi từ thời điểm Công ty CP V vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với từng Hợp đồng đã kí. Tuy nhiên, Công ty TNHH M chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 30/12/2011 là ngày các bên chốt nợ gốc, xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Về mức lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đưa ra mức lãi suất theo lãi suất nợ trung bình quá hạn của 3 Ngân hàng tại thời điểm xét xử: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (9,5%/năm), Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (11%/năm) và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (10,5%/năm). Như vậy, mức lãi suất dùng để tính lãi là 10,3%/ năm. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật và bản án lệ số 09/AL ngày 7/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận.

Theo đó, Công ty CP V còn nợ Công ty TNHH M số tiền nợ gốc là 941.951.995 đồng. Thời điểm bắt đầu phát sinh số tiền lãi của dư nợ gốc 941.951.995 đồng đối với 05 Hợp đồng mua bán hàng hóa đã kí là 30/12/2011. Mức lãi suất nguyên đơn đưa ra là 10,3%/năm. Số tiền lãi phát sinh tính từ 30/12/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/11/2018 là 677.433.560đ (sáu trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sau mươi đồng). Tổng cộng số tiền Công ty CP V phải trả Công ty TNHH M là: 1.619.385.555đ (một tỷ sáu trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 24, Điều 50 và Điều 306của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với Công ty CP V về việc tranh chấp 05 Hợp đồng mua bán hàng hóa: Hợp đồng số 151/ H1 -TVM ngày 20/09/2010; Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 11/11/2010; Hợp đồng số 153/H1 -TVM ngày 12/12/2010; Hợp đồng số 154/H1 -TVM ngày 11/11/2010 và Hợp đồng số 155/H1 -TVM ngày 11/11/2010.

2. Buộc Công ty CP V phải thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền 1.619.385.555đ (một tỷ sáu trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc là: 941.951.995 đồng và nợ lãi là 677.433.560 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty CP V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty CP V phải chịu 60.581.566 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH M được hoàn trả 30.679.299đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06561 ngày 09/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp